GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVI - KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO
KỲ THI: GIỮA KỲ - HỌC KỲ 4; MÔN : **ANH VĂN PHẬT PHÁP 4**
MÃ MÔN: ENG114; MÃ LỚP: 516.SN.ENG114.1.C
GIẢNG VIÊN : **ĐĐ.TS. THÍCH HOẰNG HÒA**
THỜI GIAN THI: **13H00 - 16H30; THỨ NĂM NGÀY 10/11/2022 ; PHÒNG 202 - TÒA HỌC ĐƯỜNG**

TT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	2150000010	Phạm Thanh Bình	T. Minh Tuệ			
2	2150000022	Trần Văn Duy	T. Phước Tịnh			
3	2150000024	Nguyễn Tấn Đạt	T. Phước Đạt			
4	2150000029	Lê Văn Đình	T. Vạn An			
5	2150000049	Vũ Đình Hoan	T. Huệ Bình			
6	2150000056	Lê Văn Hùng	T. Pháp Huệ			
7	2150000057	Nguyễn Văn Hùng	T. Thiện Duy			
8	2150000066	Đinh Hồng Khoa	T. Trung Văn			
9	2150000084	Nguyễn Trần Luật	T. Quảng Luận			
10	2150000089	Đào Ngọc Minh	T. Quảng Nhật			
11	2150000132	Lưu Hoàng Sang	T. Bảo Thiện			
12	2150000147	Lê Hữu Tài	T. Nhuận Từ			
13	2150000152	Huỳnh Quốc Tấn	T. Thiện Thanh			
14	2150000155	Trần Thanh Tiến	T. Nhuận Chánh			
15	2150000158	Trần Quốc Tỉnh	T. Quảng An			
16	2150000167	Tống Hồ Trần Tuyến	T. Quảng Hảo			
17	2150000177	Võ Văn Thanh	T. Chúc Tâm			
18	2150000182	Nguyễn Đình Thành	T. Nhuận Nghiêm			
19	2150000188	Nguyễn Ngọc Thiện	T. Giác Tịnh			
20	2150000250	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TN. Thanh Nhàn			
21	2150000261	Nguyễn Thị Hương Giang	TN. Nhuận Sơn			
22	2150000263	Đinh Thị Hà	TN. Phước Như			
23	2150000275	Vương Thanh Hằng	TN. Quảng An			
24	2150000290	Sơn Thị Hiền	TN. Diệu Duyên			

TT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
25	2150000296	Trần Thị Mỹ Hoa	TN. Huệ Tuyền			
26	2150000298	Giáp Thị Hoàng	TN. Hữu Huy			
27	2150000306	Vũ Thị Thuý Hồng	TN. Huệ Ngọc			
28	2150000319	Trần Thị Thu Huyền	TN. Lâm Huyền Điềm			
29	2150000341	Võ Thị Ngọc Linh	TN. An Bảo			
30	2150000391	Võ Thị Thanh Nhàn	TN. Tuệ Trí			
31	2150000397	Trần Vệ Diệu Như	TN. Minh Mỹ			
32	2150000407	Lê Thị Tố Ny	TN. Diệu Hạnh			
33	2150000414	Lâm Hiệp Phố	TN. Liên Thuận			
34	2150000428	Nguyễn Thị Phương Quyên	TN. Hoàn Như			
35	2150000430	Ngô Như Quỳnh	TN. Quang Hương			
36	2150000438	Trịnh Thị Sương	TN. Vạn Sương			
37	2150000450	Nguyễn Thị Phương Thảo	TN. Quảng Thông			
38	2150000453	Võ Thị Thu Thảo	TN. Thọ Thánh			
39	2150000457	Nguyễn Thị Thanh Thiệp	TN. Huệ Khánh			
40	2150000479	Võ Thị Thanh Thúy	TN. Thanh Ân			
41	2150000494	Lê Xuân Tiệp	TN. Trung Phúc			
42	2150000509	Phan Thị Thảo Trinh	TN. Bích Nguyệt			
43	2150000524	Phan Thị Bạch Tuyết	TN. An Hương			
44	2150000540	Nguyễn Thị Thu Xuân	TN. Liên Giác			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ 1 **GIÁM THỊ 2**
(Ký,ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, họ tên)

GIẢNG VIÊN